

Ngày 31/03/2024	19,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	34.9%	6.5%	7.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,400 - 19,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	985
Số lượng CPLH (CP)	49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,165
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.22
EPS	-456
P/E	-43.2

DT thuần
Q1/24

379

tỷ VNĐ

QoQ: ▼182| -32.4%

YoY: ▲ 34.0| 9.8%

LN trước thuế
Q1/24

-32.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼41.0| -472%

YoY: ▼22.9| -243%

LN sau thuế
Q1/24

-32.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼40.9| -476%

YoY: ▼22.9| -243%

ROA
2023

0.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần
2023

1,998

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -0.2%

LN trước thuế
2023

6.28

tỷ VNĐ

YoY: ▼54.0| -89.6%

LN sau thuế
2023

0.09

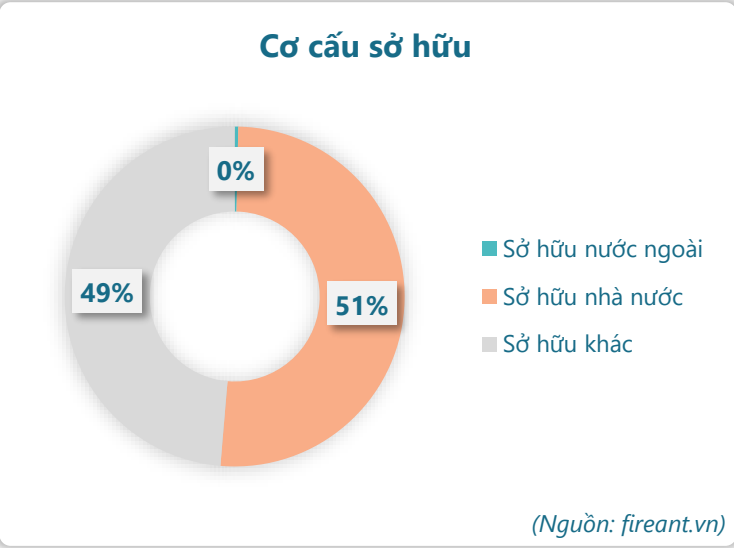
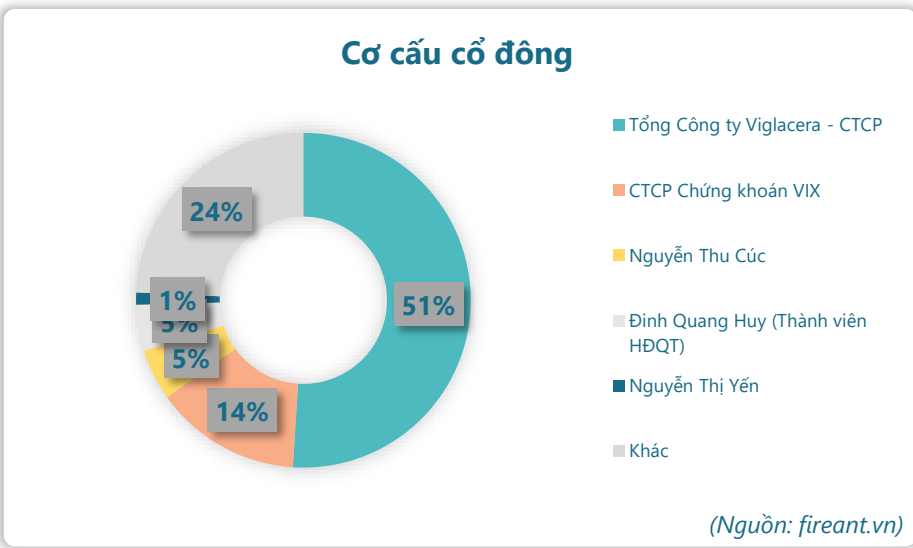
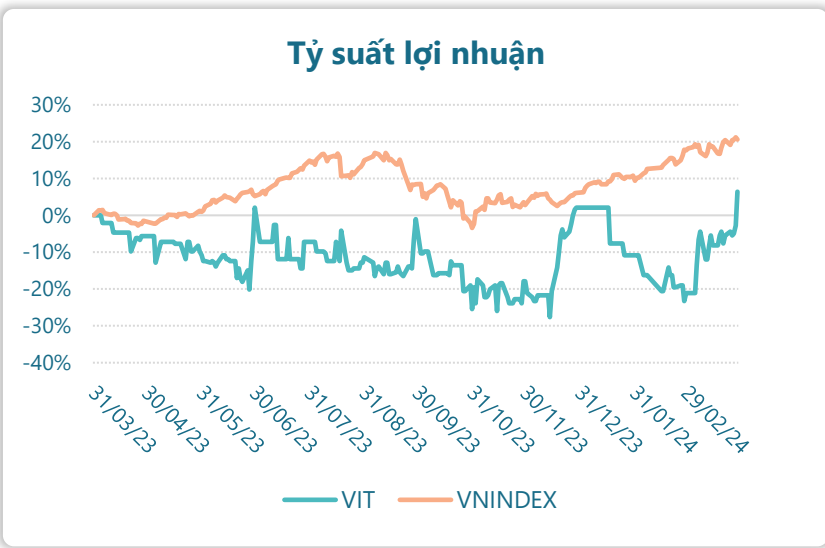
tỷ VNĐ

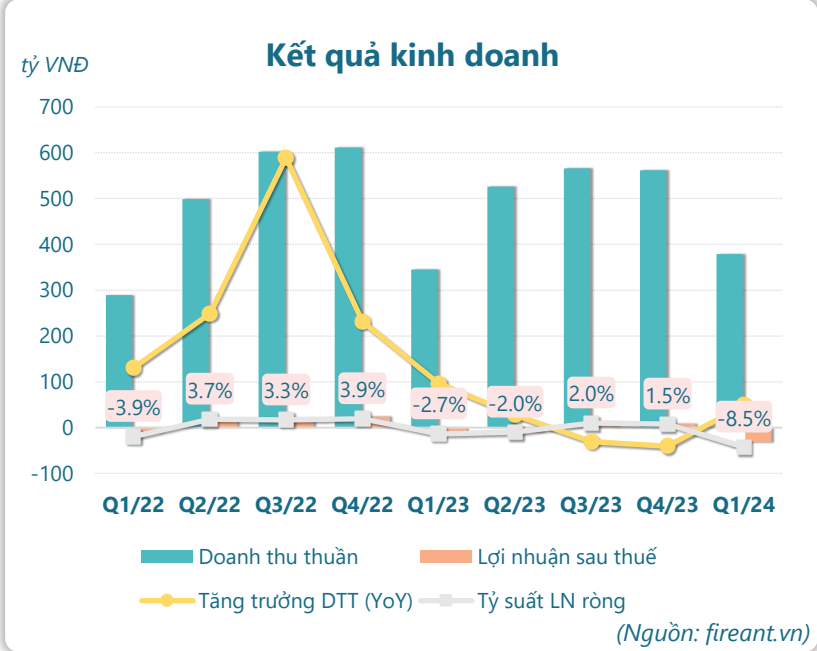
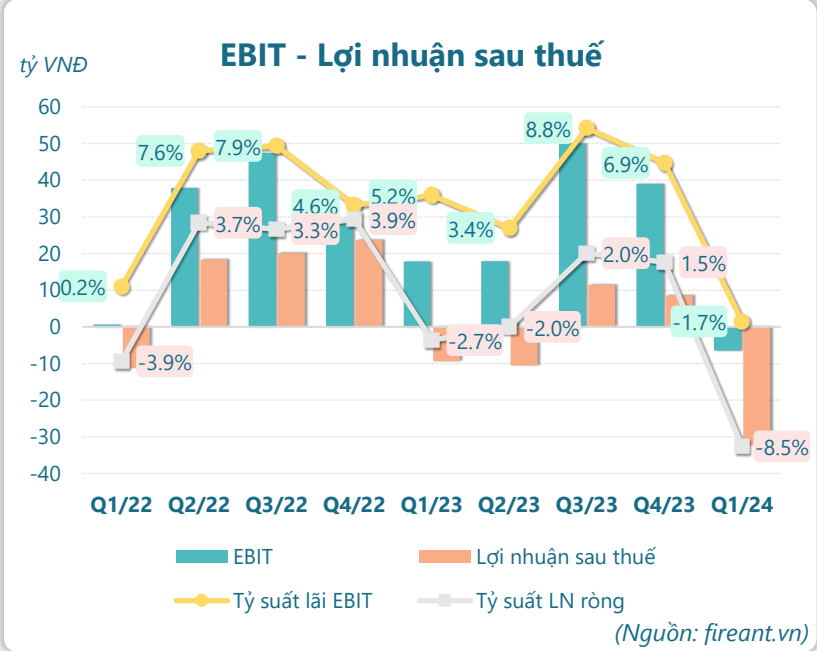
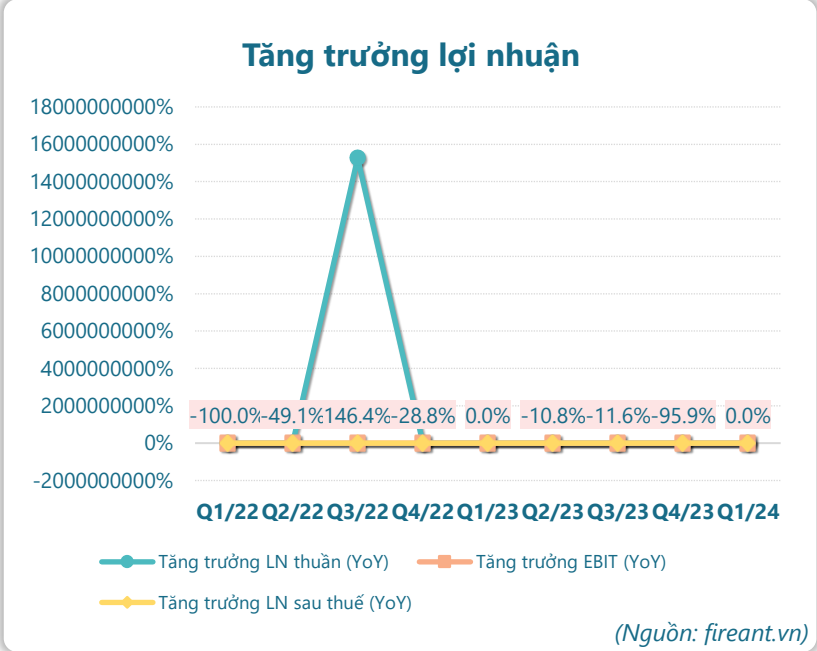
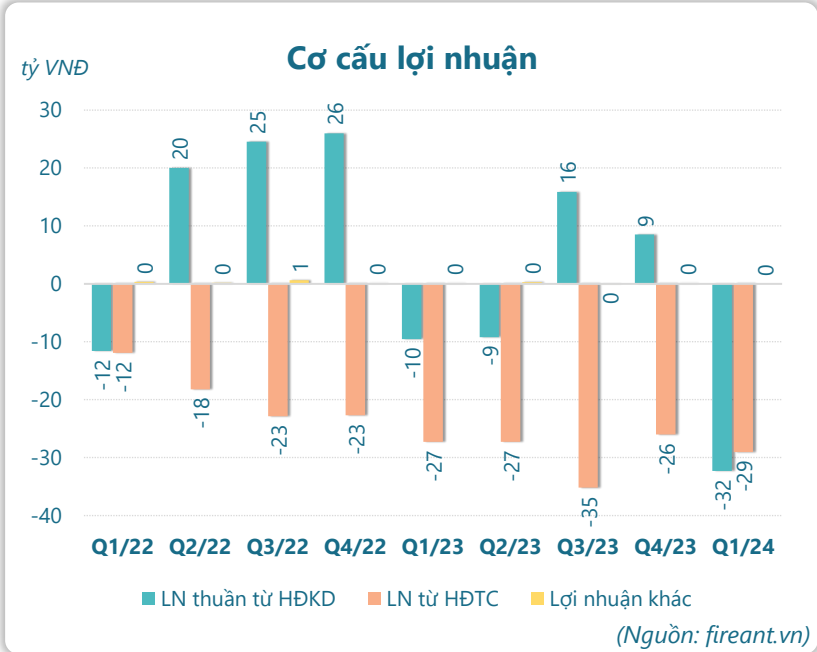
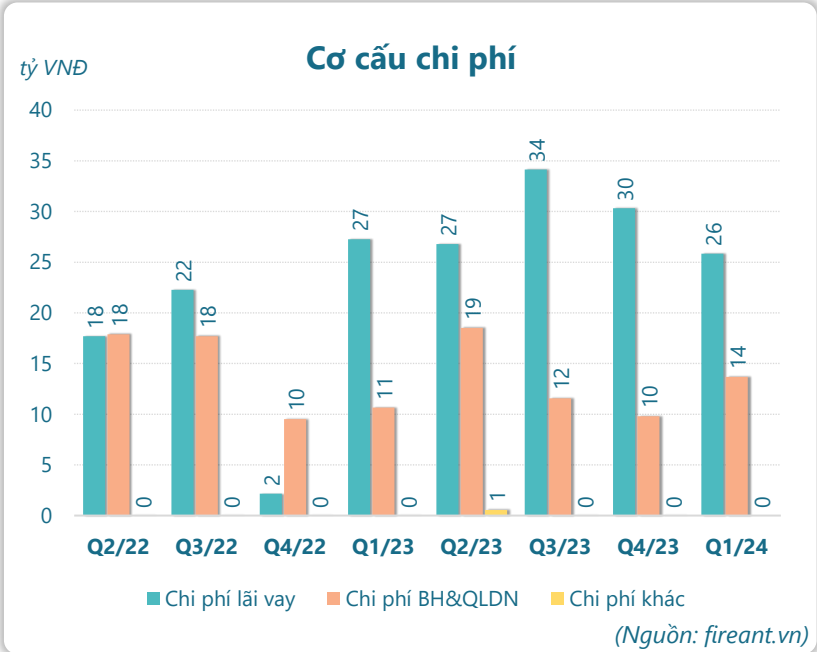
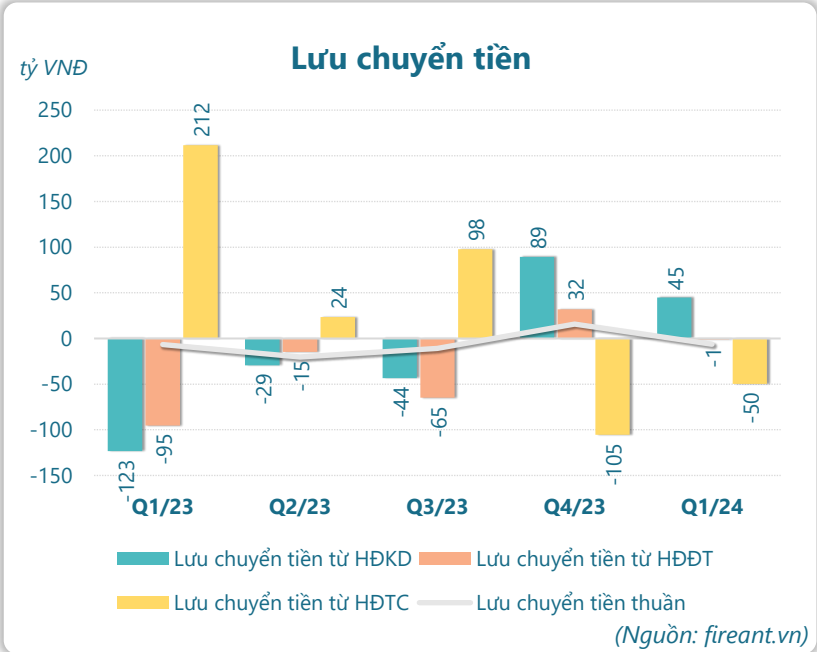
YoY: ▼50.8| -99.8%

ROE
2023

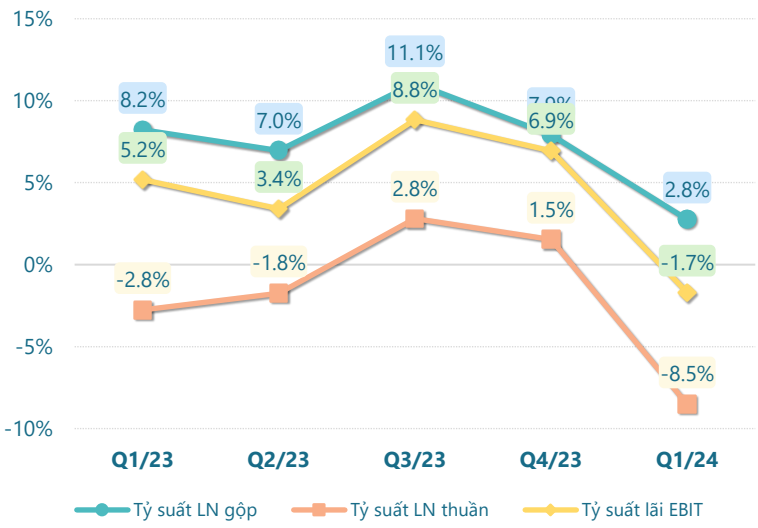
0.0%

+/- YoY: ▼ 8.2%

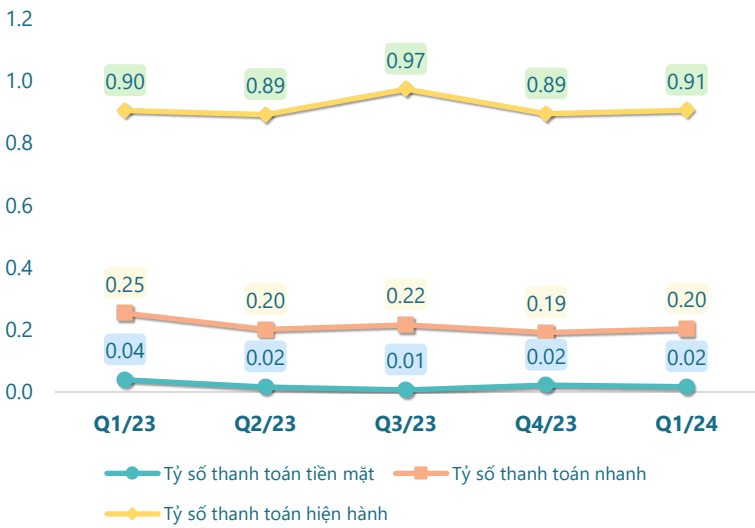




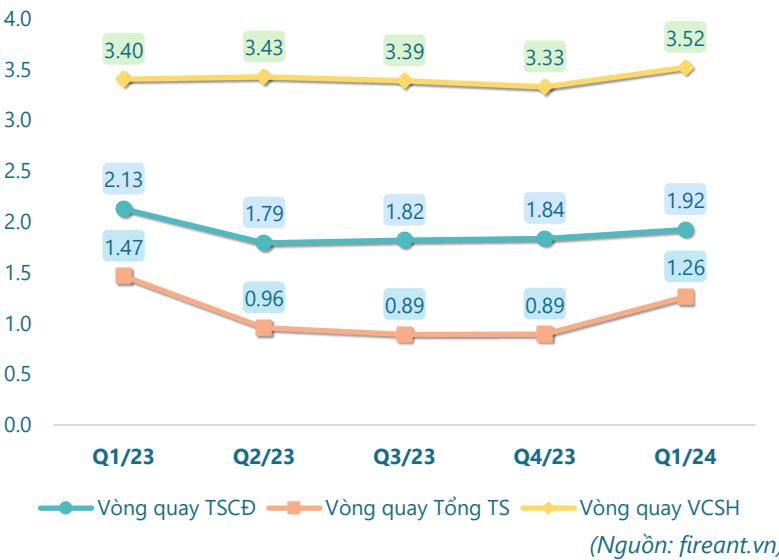
Tỷ suất lợi nhuận



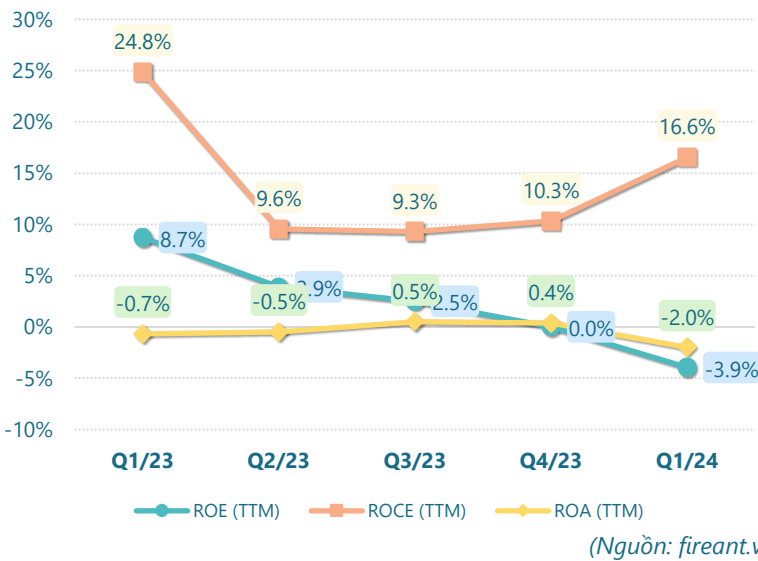
Chỉ số thanh khoản



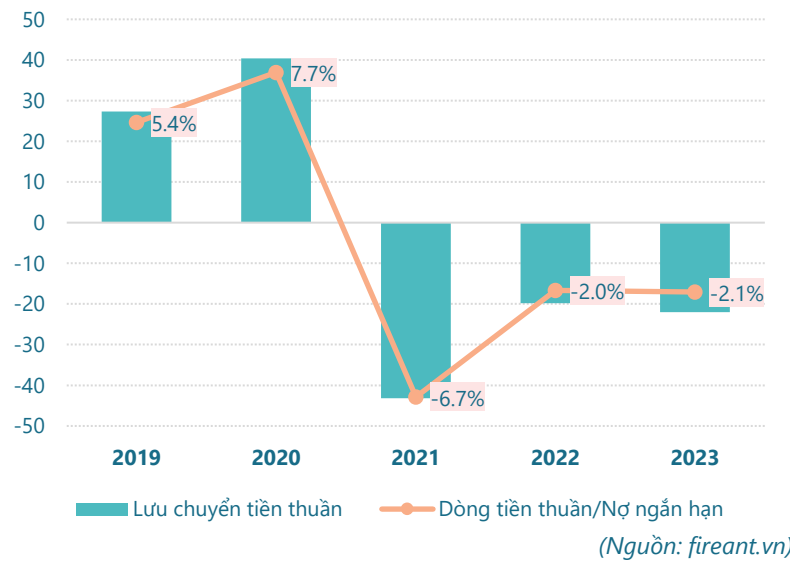
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

